

Bản án số: 21/2025/DS-ST
Ngày: 03-4-2025
V/v tranh chấp hợp đồng
cầm cố tài sản và hợp đồng
thuê tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Sáu
- Bà Trương Thị Hồng Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Châu Ngọc Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 401/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng thuê tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY. Trụ sở: Số A N, Phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kiều D. Địa chỉ: Số A Đường T, Khóm B, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số A Khóm B, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Chị Hồ Thị Thu T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà Nguyễn Thị L xin vắng mặt; chị Hồ Thị Thu T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày: Vào

ngày 08/8/2024, chị T có ký kết với Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY (sau đây gọi là Công ty) Hợp đồng cầm cố số B7M240801001NA20X và phụ lục hợp đồng cầm cố, loại hợp đồng cầm cố tài sản, có nội dung cụ thể như sau: Chị T cầm cố cho Công ty A xe gắn máy biển kiểm soát 94K2-168.82, nhãn hiệu: Honda, số loại: Vario 125 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 15/3/2021 cho chị Hồ Thị Thu T; giá cầm cố là 19.308.511 đồng; thời hạn cầm cố 12 tháng, kể từ ngày 08/8/2024 đến ngày 08/8/2025; mục đích cầm cố: phục vụ tiêu dùng cá nhân; lãi suất trong hạn cố định là 1.1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày hợp đồng và nhận tiền; lãi suất quá hạn 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; phương thức thanh toán: Hàng tháng từ tháng 9/2024 bằng việc nộp tiền trực tiếp tại chi nhánh hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Công ty. Chị T có giao cho Công ty giữ bản chính chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 94005137 do chị T đứng tên. Công ty đã giao đủ số tiền cầm cố cho chị T vào ngày 08/8/2024.

Đồng thời, cùng vào ngày 08/8/2024, chị T có ký kết với Công ty T1 thuê tài sản để chị T thuê lại chiếc xe gắn máy đã cầm cố cho Công ty L1; thời hạn thuê xe từ ngày 08/8/2024 đến ngày 08/8/2025; chị T phải trả tiền thuê là 1.042.660 đồng/tháng.

Từ khi cầm cố xe và thuê xe, chị T không thanh toán cho Công ty theo thỏa thuận từ ngày 08/9/2024 cho đến nay. Hiện nay, chị T đang quản lý chiếc xe gắn máy đã cầm cố cho Công ty. Mặc dù, Công ty đã nhiều lần liên hệ đến chị T đôn đốc và yêu cầu chị T trả lại tiền hoặc tài sản là xe máy đã cầm cố nhưng chị T không thực hiện, cố tình trốn tránh.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2024, Công ty yêu cầu chị T trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 94K2-168.82, nhãn hiệu: Honda, số loại: Vario 125 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 15/3/2021 cho chị Hồ Thị Thu T; Trường hợp chị T không trả lại xe theo giấy mượn xe thì phải thanh toán cho Công ty số tiền tạm tính đến ngày 13/11/2024 là 26.288.537 đồng, gồm tiền gốc 19.308.511 đồng, tiền lãi trong hạn 467.266 đồng, tiền lãi quá hạn 233.633 đồng, tiền quản lý hồ sơ 212.394 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 1.544.681 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe 2.293.851 đồng, phí tố tụng 2.228.202 đồng. Ngoài ra, chị T phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh kể từ ngày 13/11/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp chị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Công ty xin rút một phần yêu cầu khởi kiện gồm: Yêu cầu trả lại chiếc xe mô tô kiểm soát 94K2-168.82, nhãn hiệu: Honda, số loại: Vario 125 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 15/3/2021 cho chị Hồ Thị Thu T, tiền lãi quá hạn 233.633 đồng, tiền quản lý hồ sơ 212.394 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 1.544.681 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe 2.293.851 đồng, phí tố tụng 2.228.202 đồng và yêu cầu kê biên, xử lý tài sản cầm cố.

Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY yêu cầu Tòa án buộc chị T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tổng số tiền tạm tính đến ngày 03/4/2025 là

20.774.027 đồng, trong đó gồm tiền gốc 19.308.511 đồng, lãi trong hạn 1.465.516 đồng và tiền lãi tiếp theo kể từ sau ngày 03/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn chị Hồ Thị Thu T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập chị T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng chị T không đến Tòa án làm việc hoặc gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị T chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Qua phân tích, đánh giá tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty về việc yêu cầu chị T trả lại chiếc xe mô tô kiểm soát 94K2-168.82, nhãn hiệu: Honda, số loại: Vario 125 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 15/3/2021 cho chị Hồ Thị Thu T, tiền lãi quá hạn 233.633 đồng, tiền quản lý hồ sơ 212.394 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 1.544.681 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe 2.293.851 đồng, phí tố tụng 2.228.202 đồng và yêu cầu kê biên, xử lý tài sản cầm cố. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty về việc yêu cầu chị T thanh toán còn nợ tạm tính đến ngày 03/4/2025 là 20.774.027 đồng, trong đó gồm tiền gốc 19.308.511 đồng, lãi trong hạn 1.465.516 đồng và tiền lãi tiếp theo kể từ sau ngày 03/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY khởi kiện yêu cầu chị T thanh toán số tiền cầm cố tài sản và thuê tài sản còn nợ theo hợp đồng cầm cố và thỏa thuận thuê xe đã ký kết. Đây là tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và thuê tài sản theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hiện nay, chị T đang cư trú tại ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[2] Đại diện theo ủy quyền của Công ty yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện là: Yêu cầu trả lại chiếc xe mô tô kiểm soát 94K2-168.82, nhãn hiệu: Honda, số loại: Vario 125 do Phòng Cảnh sát an ninh B cấp ngày 15/3/2021 cho chị Hồ Thị Thu T, tiền lãi quá hạn 233.633 đồng, tiền quản lý hồ sơ 212.394 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 1.544.681 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe 2.293.851 đồng, phí tố tụng 2.228.202 đồng và yêu cầu kê biên, xử lý tài sản cầm cố. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, căn cứ vào Điều 5, điểm c khoản 1 Điều 217 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập tham gia phiên tòa nhưng chị T không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến đến Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung: Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY yêu cầu Tòa án buộc chị T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty số tiền tạm tính đến ngày 03/4/2025 là 20.774.027 đồng và tiền lãi tiếp theo kể từ sau ngày 03/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Để chứng minh yêu cầu khởi kiện, Công ty cung cấp hợp đồng cầm cố và thỏa thuận thuê tài sản đề ngày 08/8/2024 giữa Công ty với chị T. Xét thấy, chị T đã tự nguyện thỏa thuận giao kết và ký kết hợp đồng cầm cố, thuê xe với Công ty nên có căn cứ xác định giữa Công ty với chị T có giao dịch cầm cố tài sản và thuê sản với nhau đối với chiếc xe mô tô kiểm soát 94K2-168.82, nhãn hiệu: Honda, số loại: Vario 125 là phù hợp với khoản 1 Điều 275, Điều 309, khoản 3 Điều 314, Điều 472, Điều 481 Bộ luật Dân sự. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chị T đã vi phạm thanh toán nên Công ty yêu cầu chị T thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 03/4/2025 là 20.774.027 đồng, trong đó gồm tiền gốc 19.308.511 đồng, lãi trong hạn 1.465.516 đồng và tiền lãi tiếp theo kể từ sau ngày 03/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ là có căn cứ, phù hợp với định tại các Điều 280, 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, do yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY được chấp nhận nên chị T phải chịu 5% trên tổng số tiền 20.774.027 đồng, bằng số tiền 1.038.701 đồng. Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY không phải nộp án phí sơ thẩm.

[6] Như đã phân tích, các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 275, 280, 309, 310, 311, 314, 357, 463, 468, 472 và 481 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY về việc yêu cầu chị Hồ Thị Thu T: Trả lại chiếc xe mô tô kiểm soát 94K2-168.82, nhãn hiệu: Honda, số loại: Vario 125 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 15/3/2021 cho chị Hồ Thị Thu T, tiền lãi quá hạn 233.633 đồng, tiền quản lý hồ sơ 212.394 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 1.544.681 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe 2.293.851 đồng, phí tố tụng 2.228.202 đồng và yêu cầu kê biên, xử lý tài sản cầm cố.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY về việc yêu cầu chị Hồ Thị Thu T thanh toán tổng số tiền 20.774.027 đồng (hai mươi triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm hai mươi bảy đồng), trong đó gồm tiền gốc 19.308.511 đồng (mười chín triệu ba trăm lẻ tám nghìn năm trăm mười một đồng), lãi trong hạn 1.465.516 đồng (một triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm mười sáu đồng).

Buộc chị Hồ Thị Thu T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY thanh toán tổng số tiền 20.774.027 đồng (hai mươi triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm hai mươi bảy đồng), trong đó gồm tiền gốc 19.308.511 đồng (mười chín triệu ba trăm lẻ tám nghìn năm trăm mười một đồng), lãi trong hạn 1.465.516 đồng (một triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm mười sáu đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày 03/4/2025 (ngày xét xử sơ thẩm), chị Hồ Thị Thu T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận Hợp đồng cầm cố số B7M240801001NA20X ngày 08/8/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Hồ Thị Thu T phải nộp 1.038.701 đồng (một triệu không trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm lẻ một đồng) và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY đã dự nộp tạm ứng án phí 657.213 đồng (sáu trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm mười ba đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004532 ngày 31/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu nên được hoàn lại.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Khanh